

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 827/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương

2. Bà Võ Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 201/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Ngọc L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 41, đường số 587, tổ 10, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hồng S, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 25/1A, đường số 335, tổ 2, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngô Thị Ngọc L trình bày như sau:

Chị và anh S tự nguyện chung sống với nhau từ 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, giấy chứng nhận kết hôn số 216/CNKH, Quyền số 01/2009 ngày 14/12/2009. Thời gian đầu chung sống chị và anh S

cũng hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012, sau khi sinh con, hai vợ chồng hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh S không chăm sóc vợ con mà chỉ đi chơi. Năm 2015, do anh S không chăm lo cho vợ con nên chị xin phép mẹ chồng về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Thời gian đầu anh S có đến thăm con, sau đó việc thăm con của anh S cũng thưa dần. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung tên Phạm Hồng Tuyết L1, sinh ngày 09/02/2012. Chị xin trực tiếp nuôi cháu L1 và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định không có.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Bị đơn anh Phạm Hồng S đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 27 tháng 4 năm 2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là anh Phạm Hồng S có nơi cư trú tại số 25/1A, đường số 335, tổ 2, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L:

Chị L và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn vào 2009, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, giấy chứng nhận kết hôn số 216/CNKH, Quyền số 01/2009 ngày 14/12/2009, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Chị L trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là sau khi sinh con, hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh S không chăm sóc vợ con mà chỉ đi chơi. Vì vậy, năm 2015 chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Việc thăm con của anh S cũng thưa dần. Hai vợ chồng chị bắt đầu sống ly thân từ đó, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương

sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn anh S vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện anh S không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời, chị L xác định chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy, chị L1 và anh S không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung tên Phạm Hồng Tuyết L1, sinh ngày 09/02/2012 và hiện con chung đang sống cùng chị Liên, chị L xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh S vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của anh S đối với con chung. Qua tham khảo ý kiến, cháu L1 có nguyện vọng sống cùng với chị L. Nhằm tạo điều kiện để cháu L1 phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L1, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị L. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5]. Về tài sản chung: Chị L xác định không có. Về nợ chung: Chị L xác định không có. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Bị đơn anh S vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Ngọc L và anh Phạm Hồng S.

2. Về con chung:

Giao chị L trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Hồng Tuyết L1, sinh ngày 09/02/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Chị L xác định không có. Về nợ chung: Chị L xác định không có. Do anh S vắng mặt, nếu anh S có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0083890 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Túy Phượng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túy Phụng

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm.....

Tại:⁽²⁾.....

Với Hội đồng xét xử⁽³⁾gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

.....⁽⁴⁾

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số...../...../.....-.....⁽⁵⁾
ngày.....tháng.....năm.....về ⁽⁶⁾..... giữa:

Nguyên đơn.....

Bị đơn.....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.....⁽⁷⁾

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

